

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 03 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2021/TLST-DS ngày 27/12/2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị H; Sinh năm 1955,

Nơi cư trú: Phố 1, thị trấn C N, huyện B T, tỉnh T H.

Bị đơn: Anh Cao Văn B; Sinh năm 1964 và vợ là

Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Thôn C M, xã Đ T, huyện B T, tỉnh T H.

2. Sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 04/10/2018 anh Cao Văn B có vay của bà Cao Thị H 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và ngày 05/10/2018 anh Cao Văn B vay tiếp 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Tổng tiền vay là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 20%/năm, vay không thời hạn.

Anh Cao Văn B vay giải quyết việc gia đình. Bà Cao Thị H đã hỏi nợ nhiều lần anh Cao Văn B và chị Phạm Thị H1 khát nợ vì khó khăn chưa có khả năng trả.

Nay bà Cao Thị H yêu cầu vợ chồng anh Cao Văn B và chị Phạm Thị H1 liên đới có trách nhiệm trả toàn bộ tiền gốc là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) và lãi theo thỏa thuận 20%/năm tính từ 05/10/2018 đến ngày 05/03/2022 là 03 năm 05 tháng.

Tiền lãi là $(130.000.000đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm}) + (130.000.000đ \times 20\%/năm : 12 \text{ tháng/năm} \times 05 \text{ tháng}) = 78.000.000đ + 10.833.000đ = 88.833.000đ$ (Tám mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Bà Cao Thị H yêu cầu anh Cao Văn B và chị Phạm Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả nợ một lần khi quyết định có hiệu lực pháp luật gồm gốc và lãi là 218.833.000đ (Hai trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2.2. Anh Cao Văn B và chị Phạm Thị H1 tự nguyện thỏa thuận có trách nhiệm liên đới trả cho bà Cao Thị H tiền gốc là 130.000.000đ (Một trăm ba

mười triệu đồng) và tiền lãi là 88.833.000đ (Tám mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 218.833.000đ (Hai trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2.3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh Cao Văn B và chị Phạm Thị H1 sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn toàn bộ án phí dân sự. Anh Cao Văn B và chị Phạm Thị H1 được miễn toàn bộ án phí dân sự của số tiền phải trả nợ.

Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho bà Cao Thị H là 5.354.000đ (Năm triệu ba trăm năm mươi tư nghìn đồng). Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008508 ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T.

3. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 357 của BLDS

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

4. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5 Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

-VKS cùng cấp

-THA dân sự

-GĐA

-Các đương sự,

....

-Lưu hs

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên